

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt Yêu cầu báo giá

Gói thầu: Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-CPNT2 ngày 02/06/2025 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về việc phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-CPNT2 ngày 18/06/2024 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt sửa đổi Quy chế phân cấp trong quản lý đấu thầu Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-CPNT2 ngày 16/07/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-CPNT2 ngày 04/06/2025 của Hội đồng Quản trị về việc Phê duyệt chi tiết kế hoạch SXKD năm 2025 Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-CPNT2 ngày 06/08/2025 của Giám đốc Công ty về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST;

Xét đề nghị của các Phòng chức năng tại Tờ trình số 583/TTr-CPNT2 ngày 11/08/2025 về việc Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST với nội dung chi tiết như Yêu cầu báo giá đính kèm theo quyết định này.
- Điều 2.** Giao Phó Giám đốc phụ trách, các phòng chức năng triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Phó Giám đốc phụ trách, Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Thương mại Thị trường điện và Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KTSX, P.TCKT;
- Lưu VT, P.TM-TTĐ.

Đính kèm:

- Yêu cầu báo giá gói thầu Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST.

GIÁM ĐỐC



Ngô Đức Nhân

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu : Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST

Phát hành ngày : 12/8/2025

Ban hành kèm : 485/QĐ-CPNT2.
theo Quyết định

Bên mời thầu



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trung Thu

CHƯƠNG I. YÊU CẦU NỘP BẢN BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia nộp bản báo giá gói thầu (BBG). Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá (YCBG) này.
3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo quy định. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu;
Giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 8 của YCBG.
2. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
3. Hạch toán tài chính độc lập;
4. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ thì bị loại.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá sau đây:

Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự cung cấp sắt thép/thi công công trình xây dựng/cấu kiện sắt thép;
- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 250.000.000 VND.

Chú thích:

- Tương tự về tính chất: hàng hóa có tính chất tương tự là hàng hóa đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại (chủ đầu tư nêu lĩnh vực, chủng loại ví dụ: thi công công trình xây dựng/cấu kiện sắt thép....) hoặc (ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>). Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực, chủng loại do E-HSMT yêu cầu hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).
- Quy mô của hợp đồng tương tự:
 - Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:
 - (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là 250.000.000 đồng hoặc
 - (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm tổng giá trị của các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 250.000.000 đồng).

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:
 - (iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là K (hoặc K/1,4 nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó K bằng 70% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc
 - (iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có

cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 70% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 50% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. Nhà thầu có BBG không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì bị loại.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Stt	Nội dung	Đánh giá	
		Đạt	Không đạt
I	Phạm vi công việc (như nêu tại Chương III)		
	- Chào đầy đủ phạm vi công việc theo yêu cầu YCBG.	x	
	- Chào không đầy đủ theo yêu cầu của YCBG.		x
II	Tiến độ, địa điểm thực hiện (như nêu tại Chương III)		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
III	Các yêu cầu kỹ thuật khác		
	+ Có biện pháp thi công về công tác lắp đặt cầu thang tại vị trí theo bản vẽ được cung cấp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, phù hợp điều kiện hạ tầng hiện hữu của nhà máy.		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
	+ Có cam kết mua toàn bộ bảo hiểm tai nạn lao động cho nhân sự thực hiện Hợp đồng.		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
	+ Có cam kết trong quá trình thực hiện gói thầu, Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn điện, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ đối với nhà máy điện Nhơn Trạch 2		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
	+ Có cam kết toàn bộ nhân sự thực hiện gói thầu phải tham gia buổi huấn luyện an toàn bởi người có trách nhiệm của Bên A		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
	+ Có cam kết huy động đầy đủ các máy móc thiết bị, công cụ		

	dụng cụ để thực hiện công việc đáp ứng tiến độ thực hiện công việc theo yêu cầu.		
	- Đáp ứng	x	
	- Không đáp ứng		x
	Kết luận ⁽²⁾		

Nhà thầu có BBG đạt yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá. Nhà thầu có BBG không đáp ứng theo yêu cầu về kỹ thuật thì bị loại.

Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá về giá: Áp dụng Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*)

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽¹⁾);

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú ⁽²⁾);

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*)

Xếp hạng nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) (*chưa bao gồm VAT*) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ", " (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng.

Mục 6. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng, bảng tiến độ thực hiện, bảng chào giá hàng hóa và các dịch vụ liên quan theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác nhưng chưa bao gồm VAT. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 7. Thành phần báo giá

Bản Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- 1) Đơn chào hàng theo Mẫu số 1 Chương III;
- 2) Bảng tổng hợp giá chào Mẫu số 2 Chương III;
- 3) Bảng tiến độ thực hiện Mẫu số 3 Chương III;
- 4) Bảng chào giá hàng hóa Mẫu số 4 Chương III;

- 5) Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan Mẫu số 5 Chương III.
- 6) Các nội dung cần thiết khác:
 - a. Bản sao hợp đồng tương tự theo quy định tại YCBG;
 - b. Hồ sơ/tài liệu chứng minh về việc đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật được nêu tại Chương II của Yêu cầu báo giá.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm ngừng tiếp nhận YCBG.

Mục 9. Nộp, tiếp nhận, đánh giá Bản báo giá

1. Nhà thầu phải nộp Bản báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2; Địa chỉ Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai không được muộn hơn 14h00 ngày 19/08/2025. Các Bản báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 10. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 11. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được công bố trên website của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định của Luật đấu thầu.

CHƯƠNG II. YÊU CẦU KỸ THUẬT

Mục 1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Thông tin gói thầu: Mua sắm vật tư & Lắp đặt thang đứng phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa trên mái nhà gian máy GT, ST.
- Địa điểm thực hiện: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Mục 2. Phạm vi cung cấp, địa điểm thi công.

1. Phạm vi cung cấp

Stt	Nội dung công việc	Chủng loại	Nhà sản xuất hoặc tương đương ⁽¹⁾	Số lượng	Đơn vị	Chứng từ
I. Phần thang lồng						
1	Cột trụ	Thép hình V70, dày 8mm		1600	Kg	
2	Lập là thanh đứng	Thép la 50x5		400	Kg	
3	Lập là thanh ngang	Thép la 50x5		500	Kg	
II. Phần sàn thao tác						
1	Khung xương chính (thanh dầm)	Thép hình I150		900	Kg	
2	Tấm sàn thao tác	Tấm grating steel mạ kẽm chống trượt - Thanh la dày 5mm - Khoảng cách 40mm		1400	Kg	
3	Lan can	Chiều cao 1400mm, Thép tròn D34		600	Kg	
4	Bao che	Thép hình I150		600	Kg	
III. Phần dây cáp inox						
1	Dây cáp inox	Đường kính 12mm, vật liệu inox 304		200	Mét	
IV. Sơn						
1	Sơn thép		Đồng Á	6000	Kg	
V. Nhân công thi công						
1	Thực hiện việc khảo sát hiện trạng và bóc tách khối lượng kết cấu thang, sàn thao tác			1	Trọn gói	

2	Thực hiện gia công sắt thép và lắp đặt kết cấu thang, sàn thao tác theo bảng vẽ được duyệt	6000	kg	
VI. Máy móc, công cụ, dụng cụ, vận chuyển				
1	Máy móc, công cụ dụng cụ thi công như máy hàn, máy cắt, máy mài, giàn giáo,....	1	Trọn gói	
2	Vận chuyển	1	Trọn gói	

Ghi chú:

(1) tương đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo hoạt động tốt phù hợp với các thiết bị, hệ thống hiện hữu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

2. Tiến độ thực hiện:

- Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

❖ **Địa điểm giao nhận và thực hiện thi công:**

Tại vị trí thi công như bản vẽ thi công – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, ấp 3 xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai.

Nhà thầu được phép thực hiện sớm hơn quy định. Trong trường hợp chậm tiến độ, Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định tại Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

- + Tất cả nhân sự tham gia thực hiện phải tuân thủ tuyệt đối các quy định an toàn, làm việc trong không gian hạn chế và phòng chống cháy nổ của nhà máy và luật định.
- + Trước mỗi ca thi công phải có giấy phép làm việc (đăng ký Phiếu công tác) của nhà máy.
- + Tất cả nhân sự tham gia thực hiện tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 phải được mua bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định.
- + Toàn bộ nhân sự được huấn luyện an toàn và chấp thuận bởi người có trách nhiệm của nhà máy.
- + Tất cả nhân sự tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- + Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị phục vụ thi công đảm bảo an toàn và phòng cháy chữa cháy theo quy định của PVPower NT2 và luật định.
- + Khoanh vùng khu vực làm việc, khu vực làm việc phải được che chắn phù hợp và an toàn.
- + Có biện pháp phối hợp và đảm bảo an toàn cho thiết bị và con người trong quá trình thực hiện công tác;



- + Có biện pháp an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện công tác;
- + Có biện pháp an toàn lao động đối với công tác điện, công tác lắp đặt thiết bị trong quá trình thực hiện công tác.

- **Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ**

- + Nhà thầu phải tuân thủ nội quy phòng cháy và chữa cháy, nội quy sử dụng điện của Bên mời thầu tại Nhà máy điện, phải áp dụng tất cả các biện pháp phòng cháy chữa cháy cần thiết, trang bị và duy trì bằng chi phí của Nhà thầu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy lưu động mà Nhà thầu hoặc Bên mời thầu cho là cần thiết, và tuân theo mọi quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam về phòng chống cháy nổ.
- + Nhà thầu sẽ phải bồi thường và không gây tổn hại đến Bên mời thầu đối với mọi thiệt hại hoặc tổn thất do hậu quả cháy gây ra và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm đối với mọi thiệt hại và tổn thất trong khu vực Nhà thầu chịu trách nhiệm, gồm cả khu vực của Nhà thầu phụ.

- **Yêu cầu về vệ sinh, bảo vệ môi trường**

- + Nhà thầu phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ môi trường (cả khu vực trong Nhà máy) để giới hạn thiệt hại và ảnh hưởng đối với người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và do các hoạt động của Nhà thầu.
- + Nhà thầu có trách nhiệm báo trước cho Bên mời thầu và Bên mời thầu biết nếu có ý định đem hóa chất độc hại hay các nguồn chứa hóa chất vào nhà máy. Cần phải nêu rõ tên hóa chất, chủng loại, mức độ nguy hiểm và các biện pháp an toàn áp dụng khi sử dụng hóa chất đó.
- + Nhà thầu, trong khả năng và phạm vi trách nhiệm của mình, cần đảm bảo thiết lập và duy trì trong suốt thời gian thao tác một môi trường và không gian làm việc an toàn và không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động.

- **Yêu cầu về an toàn lao động**

- + Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người, thiết bị và công trình có trên mặt bằng thi công, kể cả cho các thiết bị và công trình phụ cận.
- + Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.
- + Nhà thầu phải có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo lao động phù hợp.

- + Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, an toàn lao động người lao động.
- + Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu và các bên liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- + Sản phẩm thi công, không làm sai lệch thiết kế ban đầu của bản vẽ.
- + Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành toàn bộ công việc trong thời gian 60 ngày kể từ khi ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.
- + Thời gian bắt đầu tiến hành sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên mời thầu.
- + Sau khi hoàn thành công việc nhà thầu có trách nhiệm thông báo Bên mời thầu để nghiệm thu hoàn thành công việc. Trong vòng 07 ngày Bên mời thầu và nhà thầu có trách nhiệm phối hợp nghiệm thu hoàn thành công việc.

Bản vẽ thi công: như đính kèm

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

Stt	Biểu mẫu		Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Đơn chào hàng	Cách thực hiện		X
2	Mẫu số 02. Bảng tổng hợp giá chào			X
3	Mẫu số 03. Bảng đề xuất tiến độ thực hiện			X
4	Mẫu số 04. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			X
5	Mẫu số 05. Bảng giá dự thầu của các dịch vụ liên quan			X

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____

Kính gửi: ____

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ____

- Số đăng ký kinh doanh: ____

cam kết thực hiện gói thầu ____ với các thông tin chính như sau:

Theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____.

Thời gian thực hiện gói thầu là 60 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

Hiệu lực của báo giá: ____

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Giá chào hàng hoá	(M)
2	Giá chào các dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)	(M) + (I)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(nhà thầu đề xuất)

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gian thực hiện theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian thực hiện do nhà thầu đề xuất
1	60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	(nhà thầu đề xuất)

BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Đơn giá chào (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) đã bao gồm thuế VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			(7)=(4)x(6)
	Hàng hoá thứ 1					M1*		M1
								
	Hàng hoá thứ n					Mn*		Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm thuế VAT						(M*)		
Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT								(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Nhà thầu điền nội dung bảng giá chào của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V.
- Thành tiền M1*, ... Mn*, (M*) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), nhưng chưa bao gồm thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế VAT sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) và bao gồm thuế VAT.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN (*)
(nhà thầu đề xuất)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mỗi thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu (chưa bao gồm VAT)	Thành tiền (chưa bao gồm VAT)
							(Cột 3x7)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thực hiện việc khảo sát hiện trạng và bóc tách khối lượng kết cấu thang, sàn thao tác	1	Trọn gói	Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, Đồng Nai	(nhà thầu đề xuất)		I1
2	Thực hiện gia công sắt thép và lắp đặt kết cấu thang, sàn thao tác theo bảng vẽ được duyệt	6000	kg	(nhà thầu đề xuất)	(nhà thầu đề xuất)		I2
3	Máy móc, công cụ dụng cụ thi công như máy hàn, máy cắt, máy mài, giàn giáo,....	1	Trọn gói	Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, Đồng Nai	(nhà thầu đề xuất)		I3
4	Vận chuyển	1	Trọn gói	Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, Đồng Nai	(nhà thầu đề xuất)		I4
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) nhưng chưa bao gồm VAT							(In)
Thuế VAT							(Im)
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) đã bao gồm VAT							(I)

Ghi chú: Các cột (7), (8), (In), (Im), (I) nhà thầu chào

CHƯƠNG IV: HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 06

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại YCBG]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 11 Chương IV.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. BBG và các văn bản làm rõ BBG của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. YCBG và các tài liệu sửa đổi YCBG (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Cung cấp cho Bên B các tài liệu của NMD Nhơn Trạch 2 liên quan tới việc thực hiện hợp đồng trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cung cấp tài liệu của Bên B;

Phối hợp với Bên B xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng;

Cử đại diện của mình phối hợp và theo dõi Bên B triển khai thực hiện các công việc phù hợp với các quy định của hợp đồng;

Tiếp nhận, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa theo đề nghị của Bên B;

Cam kết thanh toán cho Bên B theo quy định của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Thực hiện các công việc theo đúng quy định của hợp đồng;

Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và chịu sự giám sát của Bên A trong quá

trình thực hiện công việc;

Thực hiện đúng, đầy đủ các Điều khoản đã ghi trong hợp đồng;

Cung cấp cho Bên A mọi thông tin cần thiết liên quan đến việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của Bên A.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị của hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán của Bên B gồm:

- Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán;
- Bản gốc hóa đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài chính;
- Bản gốc Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc;
- Bản gốc thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo tại Biểu mẫu hợp đồng hoặc theo hình thức chuyển khoản (Tên: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, số tài khoản: 006704070001112, ngân hàng: TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cộng Hòa);
- Bản gốc Giấy bảo lãnh bảo hành của một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có giá trị bằng 5% giá trị trước thuế VAT các hạng mục yêu cầu bảo hành tại phạm vi cung cấp;
- Một (01) Bản gốc Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng.
- Một (01) Bản gốc Thư bảo hành của nhà cung cấp.

c) Số lần thanh toán: 01 lần.

Điều 6. Loại hợp đồng

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 80 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Giao hàng và nghiệm thu

8.1 Thời gian thực hiện: Bên B sẽ thực hiện công việc theo tiến độ quy định tại Điều 7 hợp đồng này.

8.2 Thủ tục giao hàng:

❖ Thông báo thực hiện: Bên B sẽ gửi thông báo giao hàng bằng văn bản cho Bên A trước 07 ngày (kèm file pdf chứng từ liên quan nếu có) để Bên A tiến hành tổ chức giám sát, huấn luyện an toàn.

❖ Biên bản bàn giao: Gồm 04 (bốn) bản được đại diện giữa hai bên xác nhận tại thời điểm giao hàng.

❖ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa (nếu có).

8.3 Địa điểm thực hiện: Tại kho của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Ấp 3, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai (Bên A sẽ phối hợp, hỗ trợ phương tiện nâng hạ để giao nhận hàng hóa).

Chi phí thực hiện: Toàn bộ chi phí nâng hạ do Bên B chịu.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

9.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

9.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

9.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

10.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

10.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ Bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo các quy tắc của Việt Nam hoặc của tòa án theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài hoặc tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc các Bên.

ĐIỀU 11: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BẢO LÃNH BẢO HÀNH

- Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B sẽ chuyển cho Bên A một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc đặt cọc bằng Séc với giá trị tương đương với 3% giá hợp đồng với thời hạn 110 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản quyết toán thanh lý hợp đồng và Bên B nộp bảo lãnh bảo hành cho toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.



- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B do việc không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị trước thuế VAT các hạng mục yêu cầu bảo hành tại phạm vi cung cấp và có hiệu lực 60 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công việc. Trường hợp phát hành bảo lãnh sau ngày nghiệm thu thì hiệu lực của bảo lãnh kể từ ngày phát hành bảo lãnh hợp lệ.
- Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Chứng thư bảo lãnh tạm ứng và Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

ĐIỀU 12: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

12.1 Quy định về bất khả kháng:

- Bất khả kháng được hiểu là sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các Bên chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh, khủng bố, hay những trường hợp tương tự có ảnh hưởng đến việc thực hiện mà hai bên chịu ảnh hưởng, không thể kiểm soát, điều khiển được.

12.2 Thủ tục về bất khả kháng:

- Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, các bên phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho nhau về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chuyển cho Bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trừ khi có ý kiến của Bên kia bằng văn bản, Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng.
- Bên bị xảy ra sự kiện bất khả kháng sẽ không bị bồi thường thiệt hại hay chấm dứt Hợp đồng.

ĐIỀU 13: ĐIỀU CHỈNH THUẾ GTGT

- Điều chỉnh thuế (áp dụng đối với thuế VAT): Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 14: PHẠT DO VI PHẠM THỜI HẠN GIAO HÀNG

- Trừ trường hợp bất khả kháng như quy định tại Điều 12, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn, thì Bên A có

quyền khấu trừ khoản tiền phạt tương ứng với 0,1% giá trị hạng mục giao/thực hiện cho mỗi ngày chậm và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị trước thuế tổng giá trị phạm vi công việc. Khi thời gian giao hàng vượt quá 4 tuần, Bên A có thể xem xét việc chấm dứt Hợp đồng và tịch thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Bên B.

ĐIỀU 15: PHẠT DO CHẬM NGHIỆM THU THANH TOÁN

- Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi Bên B hoàn thành bàn giao hàng hóa, hỗ trợ lắp đặt, căn chỉnh thiết bị Bên A không tiến hành nghiệm thu hàng hóa của Bên B mà không đưa ra được lý do chính đáng bằng văn bản thì Bên A sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên B khoản tiền phạt tương ứng với 0,1% giá trị hàng hóa được giao trước thuế cho mỗi ngày chậm nghiệm thu và mức tối đa không quá 8% tổng giá trị trước thuế của các hạng mục giao/thực hiện chậm.
- Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 hợp đồng. Bên A sẽ bồi thường cho Bên B khoản tiền phạt chậm thanh toán được tính trên cơ sở số tiền chậm trả, với lãi suất được tính bằng 100% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố tại thời điểm tương ứng theo số ngày chậm trả thực tế.

ĐIỀU 16: BẢO HÀNH

16.1 Giá trị bảo lãnh bảo hành:

- Sau ngày nghiệm thu hàng hóa Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng trước thuế VAT tương ứng với thời gian bảo hành Hàng hóa do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
- Nếu trong thời gian bảo hành hàng hóa xảy ra tình trạng hư hỏng hoặc không phù hợp với qui định của hợp đồng mà nguyên nhân do lỗi của Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm khắc phục hoặc thay thế mới trong thời gian hợp lý (nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A).

16.2 Thời gian bảo hành:

- Mười hai (12) tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa đợt cuối.

16.3 Phạm vi bảo hành:

- Phạm vi bảo hành: Toàn bộ hàng hóa do Bên B cung cấp.
- Nguyên tắc bảo hành: không bảo hành những trường hợp hư hỏng do Bên A bảo quản và sử dụng không đúng mục đích, hướng dẫn của Bên B.
- Thủ tục bảo hành: Khi phát hiện các hư hỏng thuộc phạm vi bảo hành của Bên B, Bên A gửi thông báo bằng văn bản cho Bên B, trong đó nêu rõ các hư hỏng hoặc các hiện tượng hư hỏng. Sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ cử nhân viên đến kiểm tra tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hoặc hướng dẫn Bên A kiểm tra,

xác định nguyên nhân hư hỏng để thay thế kịp thời. Các chi phí do khắc phục hư hỏng trong phạm vi bảo hành của Bên B sẽ được miễn phí.

- Địa điểm bảo hành: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, Ấp 3, xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Chủ đầu tư giữ ____ bộ, nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

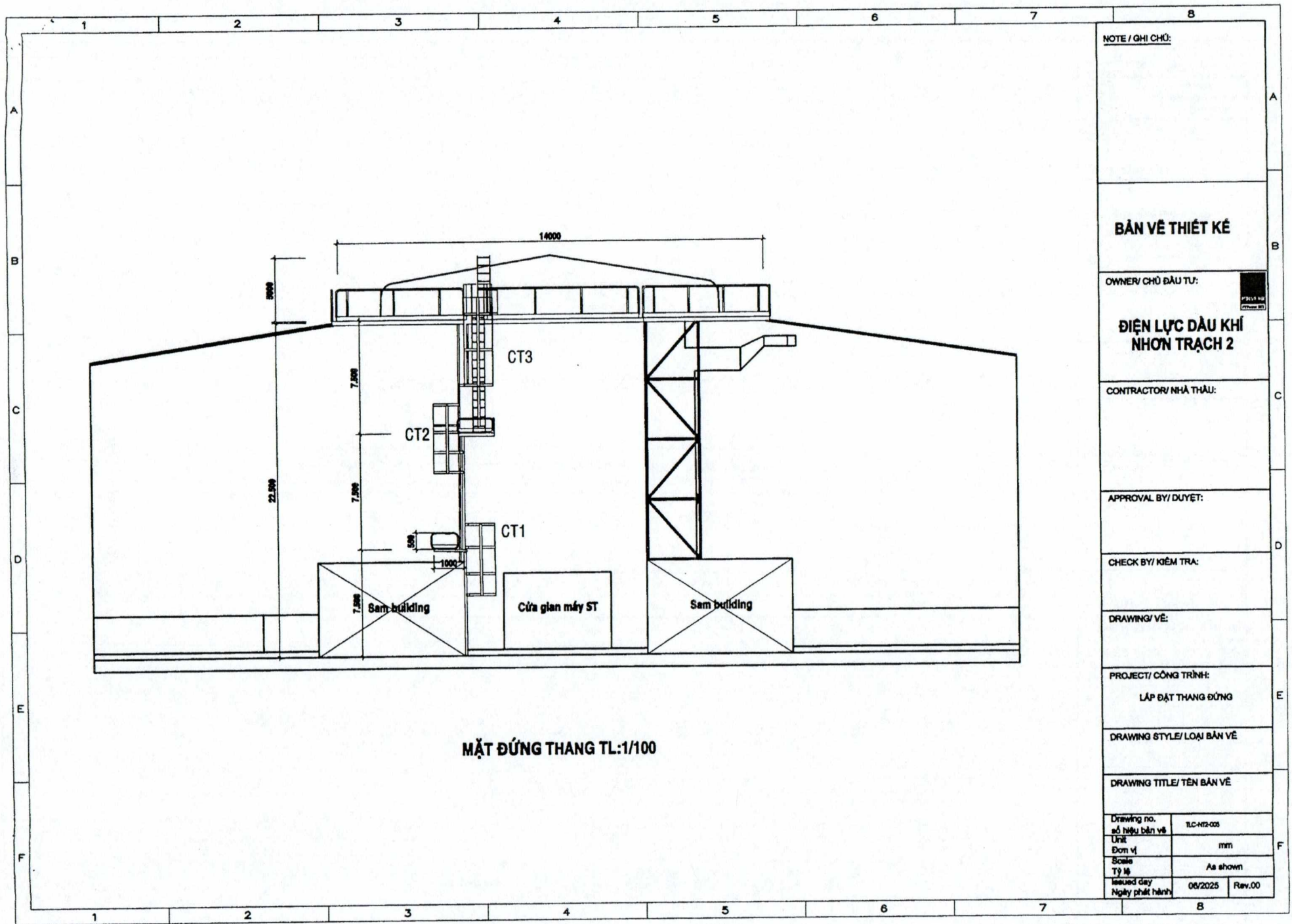
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại YCBG và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

08
Đ
F
L
N
4



NOTE / GHI CHÚ:

BẢN VẼ THIẾT KẾ

OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ:

**ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

CONTRACTOR/ NHÀ THẦU:

APPROVAL BY/ DUYỆT:

CHECK BY/ KIỂM TRA:

DRAWING/ VẼ:

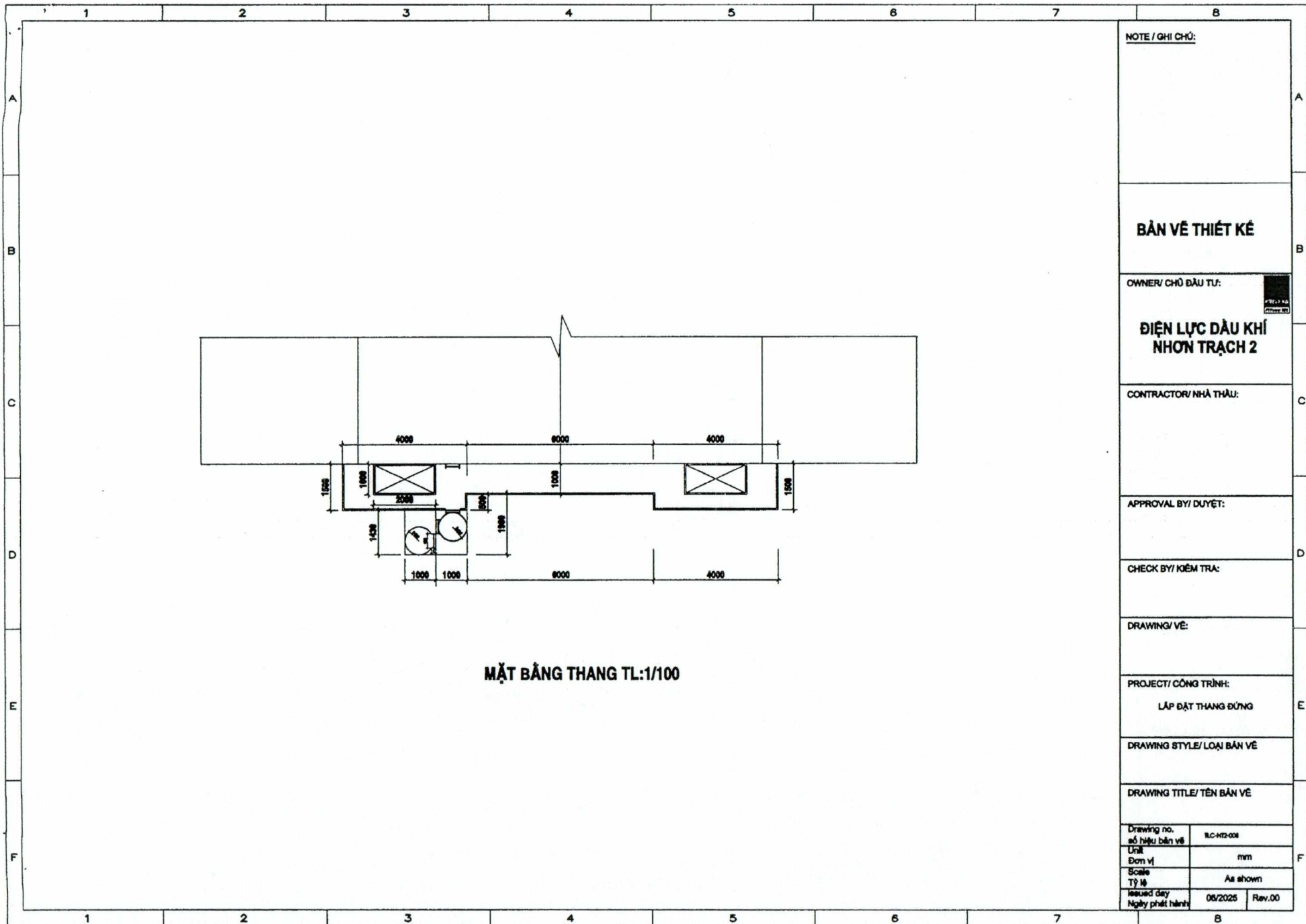
PROJECT/ CÔNG TRÌNH:

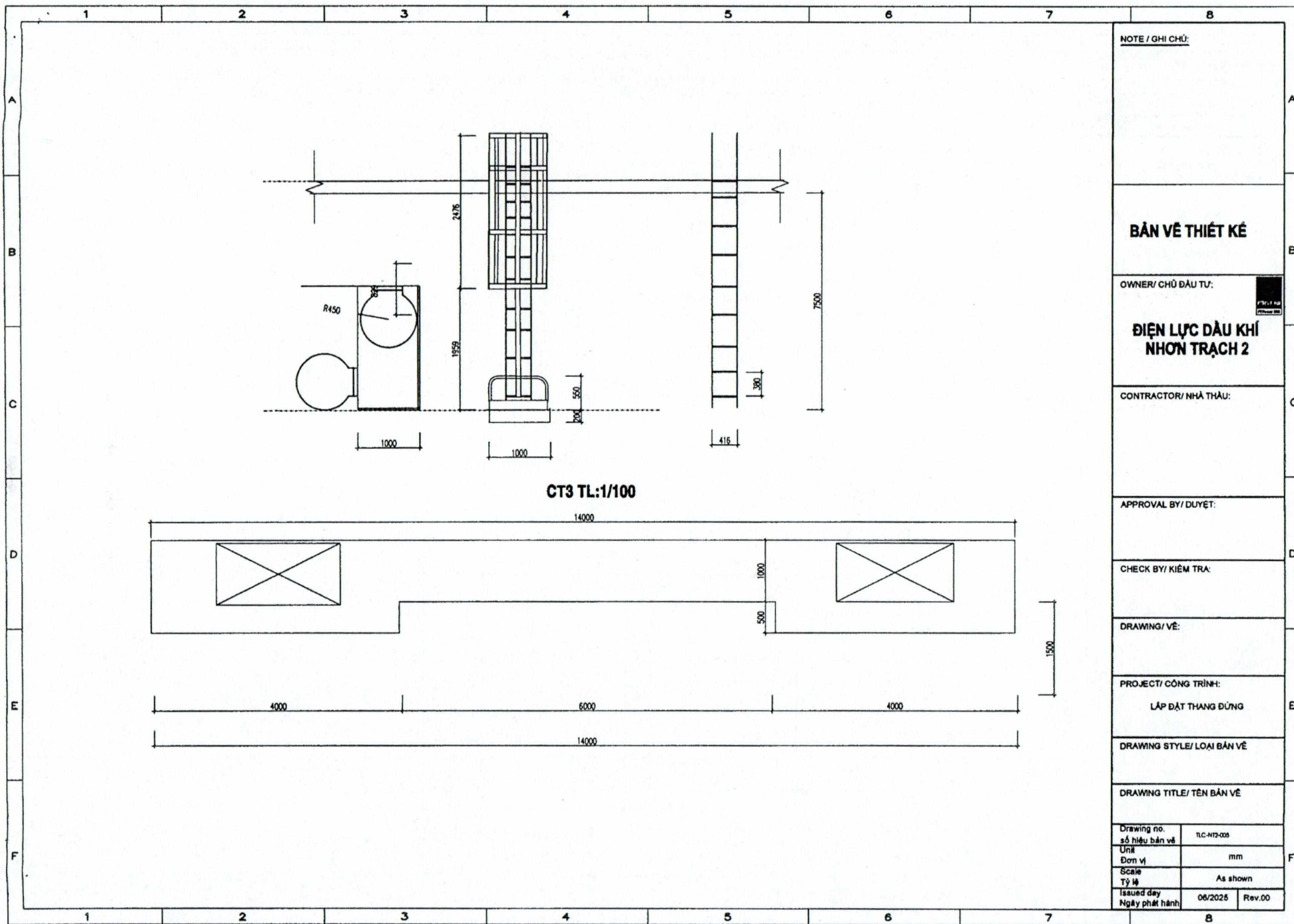
LẬP DẠT THANG ĐỨNG

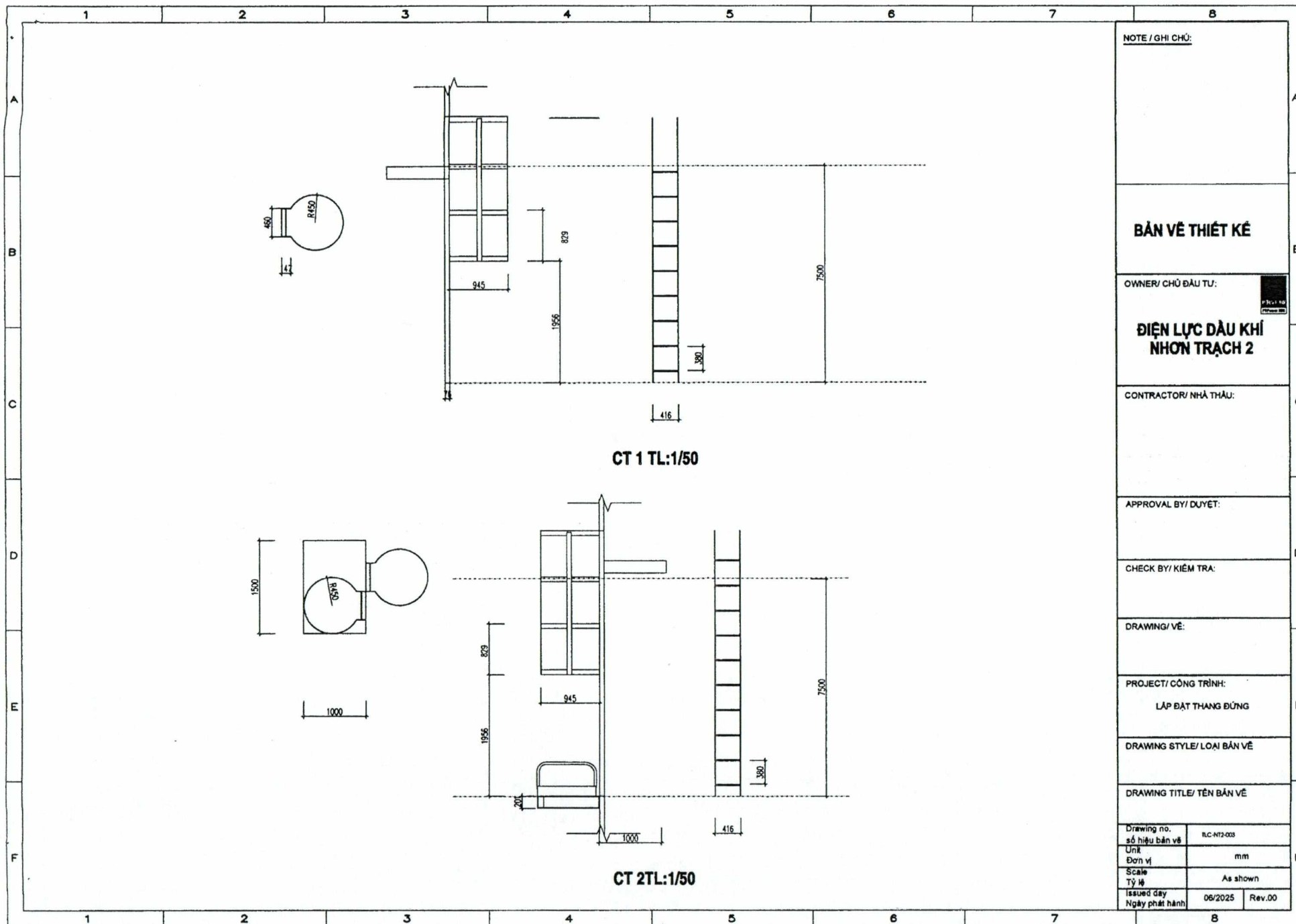
DRAWING STYLE/ LOẠI BẢN VẼ

DRAWING TITLE/ TÊN BẢN VẼ

Drawing no. số hiệu bản vẽ	TLC-N2-005	
Unit Đơn vị	mm	
Scale Tỷ lệ	As shown	
Issued day Ngày phát hành	06/2025	Rev.00







NOTE / GHI CHÚ:

BẢN VẼ THIẾT KẾ

OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ:

**ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

CONTRACTOR/ NHÀ THẦU:

APPROVAL BY/ DUYỆT:

CHECK BY/ KIỂM TRA:

DRAWING/ VẼ:

PROJECT/ CÔNG TRÌNH:

LẬP ĐẠT THANG ĐỨNG

DRAWING STYLE/ LOẠI BẢN VẼ

DRAWING TITLE/ TÊN BẢN VẼ

Drawing no.
số hiệu bản vẽ

RLC-N12-003

Unit
Đơn vị

mm

Scale
Tỷ lệ

As shown

Issued day
Ngày phát hành

06/2025

Rev.00

